

CÔNG TY TNHH KINH DOANH THỰC PHẨM ĐẠI DƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KINH DOANH THỰC PHẨM ĐẠI DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: OCEAN FOOD BUSINESS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: OCEAN FOOD BSS CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0106934578

3. Ngày thành lập: 12/08/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 20, ngõ 191 đường Phạm Văn Đồng, tổ 3, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0437505141

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây lấy sợi	0116
6.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
7.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
8.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: - Các hoạt động trồng cây thức ăn gia súc như: trồng ngô cây, trồng cỏ và quy hoạch, chăm sóc đồng cỏ tự nhiên; thả bèo nuôi lợn; trồng cây làm phân xanh (muồng muồng); v,v..	0119
9.	Trồng cây ăn quả	0121
10.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
11.	Trồng cây điều	0123
12.	Trồng cây hồ tiêu	0124
13.	Trồng cây cao su	0125
14.	Trồng cây cà phê	0126
15.	Trồng cây chè	0127
16.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128

17.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: - Trồng các cây lâu năm như: cây dâu tằm, cây cau, cây trà không,...	0129
18.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
19.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
20.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
21.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
22.	Chăn nuôi lợn	0145
23.	Chăn nuôi gia cầm	0146
24.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng; - Nuôi ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi.	0149
25.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
26.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
27.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
28.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
29.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
30.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
31.	Khai thác gỗ	0221
32.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
33.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
34.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
35.	Khai thác thủy sản biển	0311
36.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
37.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
38.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
39.	Sản xuất giống thủy sản	0323
40.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010(Chính)
41.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
42.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
43.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
44.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
45.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
46.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062

47.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
48.	Sản xuất đường	1072
49.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
50.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
51.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
52.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Rang và lọc cà phê ; - Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc ; - Sản xuất các chất thay thế cà phê ; - Trộn chè và chất phụ gia ; - Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm ; - Sản xuất súp và nước xuýt ; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn ; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc ; - Sản xuất giấm ; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo ; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza. Nhóm này cũng gồm: - Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã) ; - Sản xuất men bia ; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm ; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng ; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt ; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo.	1079
53.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: - Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.	4690
54.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
55.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ nhiều loại hàng hoá trong các siêu thị, minimart, trung tâm thương mại, bán nhiều loại hàng hóa: quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao, lương thực thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá thuốc láo có doanh thu chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác	4719

56.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
57.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
58.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
59.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
60.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
61.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
62.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể. - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ trên cơ sở nhượng quyền.	5629
63.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
64.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
65.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
66.	Bán buôn gạo	4631
67.	Bán buôn thực phẩm chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; - Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; - Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác; - Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh.	4632
68.	Bán buôn đồ uống	4633
69.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
70.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641

71.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dụng cụ y tế - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao. - Bán buôn đồ kim chỉ: kim, chỉ khâu; - Bán buôn ô dù; - Bán buôn dao, kéo; - Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; - Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh (ví dụ: kính râm, ống nhòm, kính lúp); - Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; - Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; - Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.	4649
72.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
73.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
74.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: - Bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động ..; - Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; - Đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ); - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).	4799
75.	Dịch vụ đóng gói	8292
76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
77.	(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 4.800.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ(%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐẮC SINH	Thôn Mai Châu, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.880.000.000	60,00	011671466	
2	NGUYỄN HỒNG ANH	Thôn Mai Châu, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.920.000.000	40,00	011856230	

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN HỒNG ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 01/10/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011856230

Ngày cấp: 14/03/2012

Nơi cấp: Công an Tp Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Mai Châu, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Thôn Mai Châu, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội